

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 676/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-11-2025

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Tuyết Hằng

2. Bà Trần Thúy Trân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 11 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 493/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-09-2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 485/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14-10-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Hồng P**, sinh năm: 1982. (Vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt)

Căn cước: 079182xxxxxx, nơi cấp: Bộ công an, ngày cấp: 21/05/2025.

Địa chỉ: Nhà không số kế E4/111 ấp X, xã H (xã Đ, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Đỗ Thanh S**, sinh năm: 1979. (Vắng mặt không lý do)

Căn cước công dân: 083079xxxxxx, nơi cấp: Cục Trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 22/12/2021.

Địa chỉ: Nhà không số kế E4/111 ấp X, xã H (xã Đ, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 06 năm 2025, bản tự khai ngày 28/08/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Phạm Thị Hồng P bày như sau:

Bà Phạm Thị Hồng P và ông Đỗ Thanh S chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 175/KH, quyền số: 01/2008, ngày đăng ký kết hôn: 28/10/2008). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn nữa, sống ly thân với nhau. Do đó, bà Phạm Thị Hồng P yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Thanh S.

Về con chung: Bà Phạm Thị Hồng P và ông Đỗ Thanh S chung sống với nhau có 02 (hai) con chung như sau:

1. Đỗ Phạm Thanh D, sinh ngày: 28/01/2009, giới tính: Nam.

2. Đỗ Phạm Trà M, sinh ngày: 20/05/2015, giới tính: Nữ.

Hiện tại các con đang sống chung với bà Phạm Thị Hồng P và ông Đỗ Thanh S, sau khi ly hôn bà Phạm Thị Hồng P yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, bà Phạm Thị Hồng P không yêu cầu ông Đỗ Thanh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Hồng P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các vấn đề khác: Bà Phạm Thị Hồng P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Phạm Thị Hồng P vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà Phạm Thị Hồng P.

Bị đơn – ông Đỗ Thanh S đã được Tòa án nhân dân khu vực 10 (Tòa án nhân dân huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt tại nơi cư trú: Nhà không số kế E4/111 ấp X, xã H (xã Đ, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đỗ Thanh S vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa ông Đỗ Thanh S vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Phạm Thị Hồng P nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Thanh S tại Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại ông Đỗ Thanh S cư trú tại xã H (xã Đ, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng P và ông Đỗ Thanh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 175/KH, quyển số: 01/2008, ngày đăng ký kết hôn: 28/10/2008). Do đó, hôn nhân giữa Bà Phạm Thị Hồng P và ông Đỗ Thanh S là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn – bà Phạm Thị Hồng P vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà P. Bị đơn – ông Đỗ Thanh S vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Nguyên đơn – bà Phạm Thị Hồng P yêu cầu ly hôn với bị đơn – ông Đỗ Thanh S ; Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Đỗ Phạm Thanh D, sinh ngày: 28/01/2009 (giới tính: Nam) và Đỗ Phạm Trà M, sinh ngày: 20/05/2015 (giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 trẻ Đỗ Phạm Thanh D và Đỗ Phạm Trà M, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: nguyên đơn tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Bị đơn - ông Đỗ Thanh S vắng mặt không đến Tòa án, không nộp văn bản cũng như không trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền trình bày của mình trước Tòa án.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung của vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, ly thân với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Nguyên đơn xác nhận có 02 (hai) con chung tên là Đỗ Phạm Thanh D, sinh ngày: 28/01/2009 (giới tính: Nam) và Đỗ Phạm Trà M, sinh ngày: 20/05/2015 (giới tính: Nữ), hiện tại cả 02 trẻ đang sống chung với nguyên đơn và bị đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Đỗ Phạm Thanh D và trẻ Đỗ Phạm Trà M cùng có nguyện vọng muốn chung sống với mẹ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được quyền nuôi dưỡng trẻ Đỗ Phạm Thanh D và trẻ Đỗ Phạm Trà M là có cơ sở.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn.

[9] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Hồng P.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng P và ông Đỗ Thanh S chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 175/KH, quyển số: 01/2008, ngày đăng ký kết hôn: 28/10/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thị Hồng P và ông Đỗ Thanh S không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Có 02 (hai) con chung

- Đỗ Phạm Thanh D, sinh ngày: 28/01/2009, giới tính: Nam.

- Đỗ Phạm Trà M, sinh ngày: 20/05/2015, giới tính: Nữ.

Bà Phạm Thị Hồng P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) trẻ Đỗ Phạm Thanh D và Đỗ Phạm Trà M.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đỗ Thanh S.

Ông Đỗ Thanh S có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Hồng P xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Hồng P xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm năm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005865 ngày 28 tháng 07 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Hồng P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND khu vực 10 (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Các đương sự (4);
- Cơ quan nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ôn Kim Chi

